

Số: 129/2020/QĐST-HNGĐ

KĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 170/2020/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1978; Sinh trú quán: Thôn ĐL, xã HA, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Đào Thị L, sinh năm 1977; Quê quán, nơi ở: Thôn NX, xã VX, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; nơi ĐKKHKT: Thôn ĐL, xã HA, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Thị L1, sinh ngày 18/8/2006.

+ Cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 08/11/2016.

Người đại diện cho cháu L1, M là anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Đào Thị L tự nguyện

thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh T và chị L có ba con chung là cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 25/01/2000; Nguyễn Thị L1, sinh ngày 18/8/2006 và cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 08/11/2016, hiện nay anh T đang nuôi hai cháu L1, M. Anh T và chị L thỏa thuận, anh T sẽ tiếp tục nuôi cháu L1 còn chị L sẽ nuôi cháu M cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Còn cháu C đã thành niên và đã có công ăn việc làm ổn định nên anh T và chị L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh T và chị L đã tự nguyện phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu cả 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001928 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ.

Hoàn trả anh T 150.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001928 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- UBND xã HA;
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Phòng KTNV và THA Tòa án ND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy

